

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 12/2024/KDTM-ST

Ngày: 23 - 9- 2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đỉnh

Bà Trịnh Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Chiêu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08/08/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S. Địa chỉ: Lô i3, KCN V, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp D, P. A, TP ., tỉnh Bình Dương (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH D. Địa chỉ: Lô C, đường N, KCN M, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/01/2024, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty TNHH S – Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 02 tháng 01 năm 2019 công ty TNHH S và công ty TNHH D có ký hợp đồng nguyên tắc số 18/HĐNT/Sil-SK/2019, theo thỏa thuận hợp đồng nguyên tắc công ty TNHH S nhận nhuộm và gia công chỉ may và cung cấp chỉ may cho công ty TNHH D theo quy cách số lượng màu sắc, chất lượng theo mẫu chủng loại và giá cả hàng hóa theo thỏa thuận của hai bên, thời gian thanh toán từ 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính vào tài khoản công ty TNHH S. Ngày 30 tháng 03 năm 2019 công ty TNHH S1 có lập Biên bản đối chiếu công nợ với công ty TNHH D về công nợ từ ngày 31/05/2016 đến 04/03/2019 đã được 2 bên

ký xác nhận đầy đủ với số nợ là: 746.658.917đồng. Ngày 11/09/2019 đã thanh toán công nợ chỉ may là 100.000.000 đồng. Ngày 28/10/2019 đã thanh toán công nợ chỉ may là 100.000.000 đồng. Ngày 22/11/2019 đã thanh toán công nợ chỉ may là 100.000.000 đồng. Ngày 19/03/2020 đã thanh toán công nợ chỉ may là 30.000.000 đồng. Tổng nợ đã thanh toán là 330.000.000 đồng. Số nợ còn lại công Ty TNHH D chưa thanh toán đến hiện tại là 416.658.917 đồng. Do đó, công Ty TNHH S1 yêu cầu tòa án giải quyết buộc công Ty TNHH D thanh toán toàn bộ số nợ còn lại cho công Ty TNHH S số nợ 416.658.917 đồng, không tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ: Giấy chứng nhận kinh doanh (bản sao), Giấy ủy quyền ngày 02/01/2024 (bản chính), 02 Bản đối chiếu công nợ, Hợp đồng nguyên tắc số 18/HĐNT/SIL-SK/2018 ngày 02/01/2018, 18/HĐNT/SIL-SK/2017 ngày 02/01/2017, 18/HĐNT/SIL-SK/2019 ngày 02/01/2019 (bản sao), 14 Các hóa đơn giá trị gia tăng, Điều lệ (bản sao), Sao kê ngân hàng

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn công ty TNHH D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng công ty TNHH D không đến Tòa án và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu nào khác. Bị đơn vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của BLTTDS năm 2015; Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của BLTTDS năm 2015

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 của Luật thương mại; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH S. Buộc công ty TNHH D phải trả cho công ty TNHH S số tiền 416.658.917đồng

Vê án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của công ty TNHH S yêu cầu công Ty TNHH D phải thanh toán số tiền còn nợ trong việc mua hàng theo hợp đồng nguyên tắc số 18/HĐNT/Sil-SK/2019, nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, phát sinh tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ Luật tố tụng dân sự.

{2} Về thẩm quyền: Bị đơn công Ty TNHH D có địa chỉ tại Lô C, đường N, KCN M, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước do đó căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành

{3} Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thời hiệu

{4} Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

{5} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 02 tháng 01 năm 2019 công ty TNHH S và công ty TNHH D có ký hợp đồng nguyên tắc số 18/HĐNT/Sil-SK/2019, theo thỏa thuận hợp đồng nguyên tắc công ty TNHH S nhận nhuộm và gia công chỉ may và cung cấp chỉ may cho công Ty TNHH D theo quy cách số lượng màu sắc, chất lượng theo mẫu chủng loại và giá cả hàng hóa theo thỏa thuận của hai bên, thời gian thanh toán từ 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính vào tài khoản công ty TNHH S. Từ khi ký kết hợp đồng công ty TNHH S đã nhiều lần xuất bán hàng hóa cho công ty TNHH D và hàng tháng công ty TNHH S đều có xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi đến công ty TNHH D đề yêu cầu thanh toán.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng. Tại bản đối chiếu công nợ ngày 30/3/2019 thể hiện công ty TNHH S và công ty TNHH D đã đối chiếu công nợ từ ngày 31/05/2016 đến 04/03/2019 đã được 2 bên ký xác nhận đầy đủ với số nợ là 746.658.917 đồng. Nguyên đơn xác định sau khi đối chiếu công nợ bị đơn đã thanh toán được 04 lần tiền với tổng số tiền là 330.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại điều 3 hợp đồng các bên thỏa thuận thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, tại bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng đối với số tài khoản 700000318440 của công ty TNHH D tại ngân hàng S2 chi nhánh B đến ngày 19/3/2019 công ty TNHH D thanh toán cho công ty N 04 lần tiền là 330.000.000 đồng, cụ thể vào ngày 11/09/2019 đã thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 28/10/2019 đã thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 22/11/2019 thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 19/03/2020 thanh toán 30.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn công ty TNHH D làm việc cung cấp lời khai, chứng cứ và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng công ty TNHH D vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án chỉ có thể căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để làm cơ sở giải quyết vụ án

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định công ty TNHH D còn nợ công ty TNHH S 416.658.917 đồng trong việc mua bán hàng hóa ký kết tại hợp đồng nguyên tắc số 18/HĐNT/Sil-SK/2019 và cần buộc công ty TNHH D phải trả cho công ty TNHH S số tiền 416.658.917 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại.

Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Tại phiên tòa ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 20.666.356 đồng

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 của Luật thương mại

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH S. Buộc công ty TNHH D phải trả cho công ty TNHH S số tiền 416.658.917 đồng

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.666.356 đồng. Công ty TNHH S được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 10.333.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004136 ngày 22/3/2024

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bình Phạm Xuân Đ

Ung Thị Ngọc T1

